

NGÔN NGỮ - VĂN HOÁ DÂN TỘC THIỂU SỐ

LỖI SỬ DỤNG TỪ NGỮ TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH TÀY-NÙNG Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG VÙNG CAO VIỆT BẮC

TRẦN THỊ KIM HOA

(Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc)

1. Người Tày và người Nùng sống xen kẽ với nhau trên một vùng rộng lớn. Họ cư trú ở hầu hết các tỉnh miền Bắc nước ta. Hai dân tộc Tày- Nùng rất gần gũi nhau về văn hóa, nhất là về ngôn ngữ. Có thể nói, về căn bản tiếng Tày và tiếng Nùng là một ngôn ngữ thống nhất.

Xét về loại hình, tiếng Việt và tiếng Tày- Nùng là các ngôn ngữ cùng loại hình ngôn ngữ đơn lập. Đây là một thuận lợi cho việc nắm bắt và sử dụng tiếng Việt của học sinh Tày- Nùng. Tuy nhiên, vì tiếng Việt và tiếng Tày- Nùng có rất nhiều sự khác biệt. Chính sự khác biệt này đã gây không ít khó khăn cho học sinh Tày- Nùng khi học tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ thứ hai.

Qua việc chấm bài của học sinh ở trường chúng tôi thấy các em còn mắc rất nhiều lỗi sử dụng từ ngữ tiếng Việt. Mục đích của bài viết này muốn nêu lên thực trạng các lỗi này của học sinh Tày- Nùng ở cả ba khối 10, 11, 12 của trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc¹, tìm cách lí giải một số nguyên nhân và bước đầu đưa ra một vài giải pháp nhằm cải tiến thực trạng đó.

2. Trên cơ sở các bài thi học kì I môn Văn năm học 2008- 2009 của học sinh Tày- Nùng khối 10, 11, 12, chúng tôi đã thống kê toàn bộ các lỗi dùng từ ngữ. Đây là bài kiểm tra học kì nên trung bình mỗi bài có số lượng trên 1000 tiếng. Với số lượng như vậy, các bài vẫn có đủ độ dài cần thiết của tư liệu, để kết quả khảo sát của chúng tôi có độ tin cậy nhất định.

Qua khảo sát 712 bài kiểm tra và bài thi của học sinh Tày- Nùng ở cả ba khối 10, 11,12 tại

trường PT Vùng Cao Việt Bắc, kết quả thu được như sau:

Tổng số bài mắc lỗi : 617 bài, chiếm 86,66% số bài đã khảo sát.

Tổng số bài không mắc lỗi: 95 bài, chiếm 13,34% số bài đã khảo sát.

Tổng số lỗi đã thống kê được: 3125 lỗi.

Kết quả thống kê từng kiểu lỗi của từng khối như sau:

Khối lớp	Kiểu lỗi	Số lượng	Tổng số lỗi
10	Dùng từ ngữ sai ý nghĩa	368 11,78%	1467 46,94%
	Dùng từ ngữ sai vô âm thanh	332 10,62%	
	Dùng từ ngữ sai phong cách	314 10,05%	
	Dùng từ ngữ sai khả năng kết hợp	282 9,02%	
	Dùng từ ngữ lặp và thừa	171 5,47%	
11	Dùng từ ngữ sai ý nghĩa	284 9,09%	1085 34,72%
	Dùng từ ngữ sai vô âm thanh	242 7,74%	
	Dùng từ ngữ sai phong cách	207 6,62%	
	Dùng từ ngữ sai khả năng kết hợp	198 6,34%	
	Dùng từ ngữ lặp và thừa	154 4,93%	
12	Dùng từ ngữ sai ý nghĩa	143 4,58%	573 18,34%
	Dùng từ ngữ sai vô âm thanh	164 5,25%	
	Dùng từ ngữ sai phong cách	97 3,1%	
	Dùng từ ngữ sai khả năng kết hợp	73 2,34%	
	Dùng từ ngữ lặp và thừa	96 3,07%	

¹ Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc là trường dân tộc nội trú của Trung ương, hiện ở tỉnh Thái Nguyên, có nhiệm vụ đào tạo cán bộ nguồn cho các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam. Hiện nay trường có học sinh thuộc 32 dân tộc thiểu số đến từ 19 tỉnh miền núi phía Bắc, đông nhất là học sinh người Tày, Nùng, Dao...

Từ kết quả khảo sát trên, có thể thấy học sinh ở đây chủ yếu mắc năm loại lỗi về từ ngữ: dùng sai ý nghĩa, sai vô âm thanh, sai phong cách, sai khả năng kết hợp, dùng lặp và thừa. Số bài mắc lỗi chiếm tỉ lệ cao: 617 bài (86,66%), số lỗi là 3125. Trong số đó, có những bài mắc 1 lỗi, có bài 2 lỗi hoặc 4 lỗi, thậm chí có bài mắc tới 9 lỗi.

Trong ba khối đã khảo sát, có thể thấy, tỉ lệ mắc lỗi của học sinh khối 10 là cao nhất (46,94%), tiếp đến là khối 11 (34,72%), và thứ ba là khối 12 (18,34%).

Dưới đây, xin lần lượt miêu tả và phân tích các lỗi sử dụng từ ngữ tiếng Việt mà học sinh Tày-Nùng thường mắc:

a. Dùng từ sai ý nghĩa: Lỗi này phổ biến xảy ra ở các từ ngữ gần nghĩa hoặc có yếu tố cấu tạo chung tuy nhiên nghĩa vẫn khác nhau. Ví dụ:

- *Yếu điểm của Minh là lòng học.*

Từ *yếu điểm* dùng sai nghĩa, vì *yếu điểm* trong tiếng Việt được hiểu là điểm quan trọng chứ không phải là *điểm yếu*.

Lỗi dùng từ sai ý nghĩa có nguyên nhân trực tiếp là do không hiểu nghĩa của từ ngữ nhưng vẫn dùng. Bên cạnh việc không hiểu nghĩa từ vựng, có nhiều trường hợp là do người sử dụng không hiểu chính xác nghĩa tình thái. Ví dụ:

- *Màu đỏ của lá cờ tượng trưng cho những người anh hùng đã chết.*

Từ *chết* được dùng đúng nghĩa từ vựng nhưng lại không phù hợp với nghĩa tình thái. Khi nói về cái chết, tiếng Việt có nhiều từ khác nhau để biểu thị thái độ tình cảm của người nói. Để nói về cái chết của những người anh hùng thì nên dùng từ *hi sinh* vì từ này mang sắc thái trang trọng, thể hiện sự tôn trọng của người nói đối với người đã khuất.

Dùng từ sai ý nghĩa là một loại lỗi khá phổ biến ở học sinh. Đối với học sinh Tày-Nùng trường PT Vùng cao Việt Bắc đây cũng không là ngoại lệ. Trong quá trình khảo sát, chúng tôi thấy kiểu lỗi này chiếm tỉ lệ cao nhất. Các em học sinh mắc lỗi dùng từ ngữ sai nghĩa ở cả hai phương diện. Đó là: từ ngữ dùng không chính xác nội dung và lỗi không chú ý đến nghĩa tình thái nên dùng từ ngữ không đúng hoàn cảnh sử dụng, đôi khi rất ngây ngô buồn cười.

Các ví dụ tương tự:

- *Tác phẩm của Nam Cao đã phản ánh phẩm chất xấu xa, bỉ ổi của chế độ thực dân phong kiến.*

- *Nhà văn đã lên án những thủ tục phong kiến và bày tỏ lòng cảm thương của mình với nhân vật.*

...

Trong hai loại lỗi như đã nêu ở trên thì lỗi dùng từ ngữ sai nghĩa chỉ sự vật chiếm đa số. Đặc biệt, học sinh sử dụng các từ Hán Việt thường không chính xác, điều đó chứng tỏ khả năng hiểu từ ngữ Hán Việt của các em còn nhiều hạn chế. Trong ba khối lớp thì học sinh khối 10 mắc lỗi này nhiều nhất còn ở các khối lớp 11 và 12 thì ít dần.

b. Dùng từ ngữ sai vô âm thanh: Học sinh thường mắc những lỗi này khi sử dụng những từ gần âm. Ví dụ:

- *Câu thơ “Giật mình mình lại thương mình xót xa” ngắt nhịp 2/4/2 cho ta thấy cái giật mình thoảng thốt của nàng Kiều.*

Trong tiếng Việt không có từ *thoảng thốt* mà chỉ có từ *thảng thốt* là từ có âm gần giống với từ *thoảng thốt*. *Thảng thốt* chỉ sự hoảng hốt xen lẫn vẻ ngơ ngác do bị chấn động mạnh về tinh thần một cách bất ngờ.

- *Thời trai trẻ Hộ đã từng ôm hòa bão lớn.*

Trong tiếng Việt không có từ *hòa bão*, chỉ có *hoài bão* được dùng để chỉ sự ấp ủ trong lòng ý muốn làm những điều lớn lao và tốt đẹp.

Các ví dụ tương tự:

- *Mở đầu bài thơ ta bắt gặp một tư thế ung dung tự toại.*

- *Bài thơ thể hiện lòng nhớ nước, thương nhà của nữ sĩ trong cảnh xa phương nơi rừng núi hoang vu.*

...

Vì tiếng Việt có không ít các từ ngữ gần âm nhưng nghĩa khác nhau, nên đã có không ít học sinh khi gặp phải những từ ngữ này thường sử dụng theo cách tùy tiện của ngôn ngữ nói mà không chú ý đến dạng chuẩn xác của từ ngữ và điều đó được phản ánh thành các lỗi trên chữ viết. Để khắc phục được lỗi này, học sinh cần có những hiểu biết chính xác về từ ngữ, phân biệt nghĩa những từ ngữ gần âm. Như vậy, lỗi dùng từ sai âm của học sinh cũng xuất phát từ chỗ không hiểu đúng nghĩa của các đơn vị từ vựng này.

c. Lỗi về khả năng kết hợp từ ngữ

Khả năng kết hợp của từ ngữ được hiểu là các từ ngữ này có thể hoặc không thể kết hợp với từ ngữ kia, đồng thời khi kết hợp vị trí trước sau của các từ ngữ như thế nào. Nếu các từ ngữ không được phối kết hợp đúng theo quan hệ ngữ pháp và ngữ nghĩa thì sẽ tạo ra lỗi về khả năng kết hợp. Một số trường hợp thường gặp như sau:

Lỗi dùng “bao nhiêu”, “mấy”. Ví dụ:

- *Trải qua **mấy** thời gian mà trong lòng người con gái mang tên Nguyệt vẫn lưu giữ hình ảnh của Lâm.*

- *Anh cu Tràng chỉ mất có **bao nhiêu** bát bánh đúc và một câu bông đùa mà lấy được vợ.*

Trong cả hai ví dụ trên, học sinh đã mắc lỗi lựa chọn sai do chưa nắm vững quy tắc dùng *mấy* và *bao nhiêu* trong tiếng Việt: *mấy* và *bao nhiêu* đều là từ để hỏi nhưng *mấy* là từ thường dùng để hỏi cho số lượng từ 1 đến 9, còn số lượng từ 10 trở lên thường phải dùng *bao nhiêu*. Ngoài ra, “thời gian” là một khái niệm trừu tượng, không thể đếm như với các đại lượng hoặc sự vật cụ thể. Chính sự đối lập giữa *mấy* và *bao nhiêu* về khả năng kết hợp với các từ ngữ đi sau chúng đã khiến cho học sinh mắc lỗi.

Các ví dụ tương tự:

- *Chiếc cầu đá xanh vững chãi kia là công sức của **mấy** người Thanh niên xung phong.*

- *Còn cần **mấy** thời gian để làm xong công trình này?*

...

Lỗi dùng “những”, “các”. Ví dụ:

- *Tuy không một lần được gặp **Bác** nhưng với em **Bác** thật gần gũi thân thương. Em **thâm cảm** ơn **Bác** và **các bộ đội** đã cho chúng em cuộc sống bình yên ngày hôm nay.*

- *Lịch sử của dân tộc ta là lịch sử về **những chiến tranh***

Trong tiếng Việt, hai từ *những* và *các* không phải lúc nào cũng kết hợp được trực tiếp với danh từ mà trong nhiều trường hợp phải đi kèm với một loại đơn vị đặc biệt được gọi là “loại từ”. Trong tiếng Việt có cách nói đúng phải là: *các anh bộ đội; những cuộc chiến tranh*, nhưng không có cách nói: *những / các bộ đội; những / các chiến tranh*... Trong khi đó, tiếng Tày- Nùng chỉ có một từ *bại* (*những, các, chúng*) để biểu thị chung cho số nhiều và có cách nói: *bại rườn ngám hêt (những nhà mới dựng)*. Vì vậy có thể coi đây là một trong những biểu hiện của sự

chuyển di từ tiếng mẹ đẻ trong quá trình học tiếng Việt của học sinh và là lí do khiến đã không thể phân biệt được cách sử dụng giữa *những* và *các*.

Các ví dụ tương tự:

- *Trên một khu đất rộng, mọi người cùng nhau dựng **những nhà mới**.*

- *Từ cô giáo hiệu trưởng, các thầy cô giáo đến **các cán bộ** của nhà trường đều rất quan tâm đến chúng em.*

...

d. Lỗi dùng thừa từ ngữ. Ví dụ:

- *Ở khu vườn của nhà trường, chúng em trông rất nhiều cây ăn quả như: **cây quả bưởi, cây quả hồng, cây quả vải**...*

- *Ông nội em rất thích ăn món **cá kho quả trám**.*

Trong tiếng Việt chỉ có cách nói: *cây hồng, cây vải, cá kho trám*...mà không có *cây quả hồng, cây quả vải, cá kho quả trám*...Nghĩa là trong danh từ tiếng Việt, các yếu tố *hồng, vải, trám* bao hàm cả nghĩa “quả” (là thứ cây có “quả” để ăn được, và đó được xem là công dụng chính của các cây này). Những cách nói vừa dẫn ra ở trên là những lỗi dùng từ ngữ rườm rà, thừa và được cảm nhận rất khác lạ.

Trong khi đó, trong tiếng Tày-Nùng yếu tố định loại cụ thể như *lì* trong *mac lì (quả lê)* không có khả năng sử dụng độc lập trong câu. Người Tày- Nùng không nói: *kin lì (ăn lê)* mà phải nói đầy đủ: *kin mac lì (ăn quả lê)*. Cách nói này được giải thích là: không thể nói ăn “lì” (lê) nói chung, mà phải nói ăn “mac lì” (quả lê) mới không gây hiểu lầm. Chính đặc điểm khác biệt này có thể được xem là nguyên nhân gây lỗi ở các trường hợp trên. Học sinh đã chuyển di quy tắc dùng yếu tố chung loại và yếu tố định loại trong tiếng Tày-Nùng vào tiếng Việt.

Các ví dụ tương tự:

- *Ánh mắt của Chí nhìn vào **cái mặt Thị** như biết ơn.*

- *Vì chữ hiếu, nàng Kiều phải bán **bản thân mình**.*

...

e. Lỗi sử dụng lặp từ ngữ: Đây là lỗi do học sinh dùng đi dùng lại một từ ngữ nào đó trong câu hay trong đoạn không phải với dụng ý tu từ như nhấn mạnh để tăng sức biểu cảm, mà là do người viết không biết sử dụng các từ ngữ khác để thay thế. Ví dụ:

- Thật vậy, khi mới đọc phần đầu của **tác phẩm** thì ta chưa hiểu hết **tác phẩm** này. Nhưng khi đọc hết, đọc kỹ **tác phẩm** này thì ta mới hiểu rõ được **tác phẩm** này. Đây là **tác phẩm** của nhà văn Nam Cao, nó là **tác phẩm** hay. **Tác phẩm** đã thể hiện được tài năng của **nhà văn**.

Ở ví dụ trên, người viết đã dùng lặp các từ ngữ: là, **tác phẩm**, **tác phẩm** này, **nhà văn**, **tác phẩm** thì, là **tác phẩm**... quá nhiều làm cho đoạn văn trở nên lủng củng, đơn điệu, gây cho người đọc cảm giác nhàm chán. Có thể dùng các từ ngữ khác đồng nghĩa hoặc gần nghĩa, các từ xưng gọi để tránh loại lỗi này.

- Bài thơ cảnh ngày hè đã cho chúng ta **thấy cảm nhận** được khung cảnh thiên nhiên đẹp đẽ.

Thấy và cảm nhận là hai từ có chung nét nghĩa là “nhận ra được, biết được”. Đó là hai từ đồng nghĩa không thể dùng cùng lúc kề nhau trong một văn cảnh.

Lỗi lặp từ có nguyên nhân trực tiếp là do sự hiểu biết về vốn từ tiếng Việt của học sinh chưa phong phú. Với lỗi này, học sinh chỉ có thể khắc phục được bằng cách trau dồi để có được vốn từ phong phú.

Các ví dụ tương tự:

- Qua đoạn trích, Nguyễn Du muốn bày tỏ sự cảm thương của **Nguyễn Du** với thân phận của nàng Kiều.

- **Tác phẩm** trường ca “Mặt đường khát vọng” tiêu biểu cho phong cách của Nguyễn Khoa Điềm.

F. Dùng từ ngữ sai phong cách

Trong tiếng Việt có những từ ngữ được dùng trong mọi phong cách, nhưng có những đơn vị từ vựng chỉ được dùng trong một số phong cách nhất định. Các đơn vị lẽ ra chỉ được dùng trong phong cách này lại sử dụng ở phong cách khác thì đó được xem là dùng sai phong cách. Ví dụ:

- Câu thơ không chỉ có cảnh mà còn xen cả **cái tình** của nhà thơ với thiên nhiên.

Cái là từ thường được dùng trước một danh từ chỉ sự vật cụ thể thường là bất động vật. Khi trước **cái** không có số từ, thì nó dùng để chỉ đơn vị số ít (chỉ là 1). **Tình** là một danh từ trừu tượng không thuộc loại đếm được. Do vậy việc dùng **cái** ở trước nó mang lại nét nghĩa nhấn mạnh mang tính khẩu ngữ, có thể bị hiểu sai là mỉa mai hoặc khôi hài.

- Mặc dù phải đối diện với với nhiều khó khăn gian khổ nhưng người chiến sĩ **đâu** có nản lòng.

Đâu có với nghĩa phủ định thường được dùng trong khẩu ngữ. Ta nên thay **đâu** có bằng **không** cho hợp phong cách viết.

Lỗi dùng từ sai phong cách của học sinh Tày-Nùng chủ yếu là do đã đưa dạng khẩu ngữ vào trong những bài viết mang phong cách chính luận. Đồng thời có thể còn do các em chưa nắm được các đặc trưng văn hóa chỉ phối hoạt động ngôn ngữ trong giao tiếp bằng tiếng Việt.

Trong các loại lỗi thì đây là loại lỗi có tần số xuất hiện khá cao. Tuy nhiên học sinh có khả năng khắc phục được lỗi này nếu thận trọng trong khi viết, chú ý phân biệt giữa ngôn ngữ thuộc các phong cách khác như: khoa học, chính luận, hành chính, văn chương...

Các ví dụ tương tự:

- Cách xưng hô “**con**” gọi sự gần gũi, thân thương bởi “Người không **con** mà có triệu **con**”, mọi người dân Việt Nam đều là **con cái** của Người.

- Hàng tre **đầy** rất xanh và tươi tốt như sức sống của dân tộc Việt Nam.

3. Từ những mô tả và phân tích ở trên, chúng tôi sơ bộ có một số nhận xét sau:

Học sinh Tày và Nùng trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc là những đại diện của các dân tộc thiểu số đang ở bậc học cuối cấp, đang đứng trước yêu cầu cao để tạo tiền đề để bước vào các trường chuyên nghiệp. Tuy vậy, trong các bài viết của mình, các em còn mắc rất nhiều lỗi và đủ loại khi dùng từ ngữ (như ở trên đã nêu và phân tích). Đây là một vấn đề đáng báo động. Nó đặt ra yêu cầu trong trau dồi và tự sửa lỗi.

Thực trạng lỗi dùng từ ngữ của học sinh Tày và Nùng cũng như các dân tộc thiểu số khác của trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc hiện nay là đáng lo ngại. Nếu thực trạng này vẫn tiếp diễn, chúng ta sẽ có những học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học vẫn không đủ khả năng viết một văn bản hoàn chỉnh bằng tiếng Việt. Theo chúng tôi, một số giải pháp sau đây có khả năng giải quyết thực trạng trên:

Tiếng Việt trong các môn học cần chú ý hơn, đặc biệt về từ ngữ. Với đối tượng là học sinh dân tộc thiểu số, giáo viên cần chú ý phát triển vốn từ ngữ cho các em, bằng cách chỉ ra cho các em ý nghĩa và các quy tắc sử dụng từ ngữ. Đồng thời

cần cho học sinh thấy được và tránh đi sự chuyển di tiêu cực có thể có từ tiếng mẹ đẻ sang ngôn ngữ thứ hai.

Giáo viên Ngữ văn phải ý thức được sự khó khăn trong sử dụng từ ngữ tiếng Việt của học sinh, cố gắng tìm ra hướng giải quyết trong việc xây dựng các kiểu bài thực hành để rèn luyện cho học sinh nói, viết tiếng Việt được tốt hơn. Ví dụ các dạng bài: Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống có tác dụng giúp học sinh nhớ từ, cách dùng từ; Các bài tập rèn kỹ năng dùng từ ngữ tạo văn bản (nói hoặc viết), theo cách giáo viên có thể nêu các đề tài với các từ khóa và yêu cầu học sinh phát biểu ý kiến về đề tài đó... Ngoài ra trong các hoạt động ngoại khóa, giáo viên có thể hướng dẫn tổ chức học sinh thực hiện các trò chơi ngôn ngữ nhằm tích lũy vốn từ và rèn luyện kỹ năng dùng từ ngữ cho học sinh.

Cùng với việc xây dựng các kiểu bài thực hành, giáo viên phải tỉ mỉ chú trọng tìm ra các lỗi cũng như những cách tránh và sửa những lỗi mà học sinh của trường hay mắc, sao cho phù hợp với trình độ nhận thức của từng lớp và phù hợp với từng loại lỗi. Để thực hiện được công việc này, người giáo viên dạy không chỉ nắm chắc kỹ năng và các tri thức về tiếng Việt mà còn phải hiểu những đặc điểm cơ bản tiếng mẹ đẻ của học sinh mà mình dạy, để lường trước và giúp học sinh hiểu được bản chất các lỗi tiếng Việt khi tạo lập văn bản.

Với bài viết này, chúng tôi hi vọng rằng sẽ giúp ích vào việc báo động về khả năng sử dụng tiếng Việt của học sinh dân tộc thiểu số và có phương hướng nâng cao trình độ sử dụng tiếng Việt cho các em, ít ra là như một gợi ý, một tham khảo cho các đồng nghiệp đang dạy học ở các trường dân tộc nội trú.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), *Nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường phổ thông dân tộc nội trú*, Nxb Văn hóa dân tộc, H.
2. Hoàng Văn Ma, Lục Văn Pảo (1974), *Từ điển Việt- Tày- Nùng*, Nxb KHXH, H.
3. Hoàng Phê (chủ biên) (2008), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
4. Viện Ngôn ngữ học, (1993), *Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb KHXH, H.

(Biên tập nhận bài ngày 09-07-2010)

(Thực trạng sử dụng...tiếp theo trang 45)

Tìm hiểu hiện tượng lóng trên văn bản báo chí, chúng ta sẽ nhận thức sâu sắc hơn về vấn đề có ý nghĩa lí luận đã được G.V.Pospelov khái quát: “Do bản chất của nghệ thuật ngôn từ, chẳng những bất cứ loại lời nói thô tục nào mà ngay cả những dạng lời nói mang tính khuynh hướng xã hội cũng có thể được phép đi vào lời văn nghệ thuật. Vấn đề đặt ra với những người cầm bút là phải thể hiện một cách mực thước phù hợp trong sáng tác, phải thể hiện một cái cảm giác về mức độ trong việc vận dụng phương ngữ xã hội và thổ ngữ các vùng trong văn bản của mình”. [10]

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Anh, *Một số vấn đề về sử dụng ngôn từ trên báo chí*, Nxb Lao động, H., 2003.
2. Hoàng Anh, *Các đặc điểm của ngôn ngữ báo mạng điện tử*, Tạp chí Ngôn ngữ. Viện Ngôn ngữ học, Số 16, 6/2008.
3. Hoàng Thị Châu, *Tiếng Việt trên các miền đất nước*, Nxb KHXH, 1989.
4. Vũ Quang Hào, *Ngôn ngữ báo chí*, Nxb ĐHQG, H., 2001.
5. Nguyễn Văn Khang, *Tiếng lóng Việt Nam*, Nxb KHXH, H., 2001.
6. Đinh Trọng Lạc, *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, Nxb GD, H., 1995.
7. Ma Thị Tuyết Mai, *Nghệ thuật sử dụng tiếng lóng trong các sáng tác của Nguyễn Hồng*, Luận văn tốt nghiệp ĐH, ĐHSPTN, 2007.
8. Lê Hồng My, *Tiếng lóng trong văn Nguyễn Hồng*, Tạp chí Ngôn ngữ. Viện Ngôn ngữ học, Số 12, 12/2006.
9. Trần Thế Phiệt (1995), *Tác phẩm báo chí* (tập III), NXB Giáo dục, HN.
10. Pospelov, *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, Tập 2, Nxb GD, H., 1985.
11. Phạm Văn Tình, *Ngôn ngữ blog và văn hóa blog*, Ngôn ngữ và Đời sống, Số 9, 2009.
12. Các báo dành cho giới trẻ (Hoa học trò, Thế giới học đường) phát hành năm 2007, 2008, 2009.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 24-05-2010)